

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án ODA huyện Quảng Trạch tại Công văn số 46/DA ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của công trình: Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; Công văn số 81/DA ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của công trình: Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 449/TTr-STNMT ngày 06 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án ODA huyện Quảng Trạch, địa chỉ tại số 383 Quang Trung, khu phố 5, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Công trình “Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (Hạng mục: Trạm cấp nước sinh hoạt khu vực phía Nam sông Gianh - Công suất 10.000 m³/ngày đêm)” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên Công trình: Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (Hạng mục: Trạm cấp nước sinh hoạt khu vực phía Nam sông Gianh - Công suất 10.000 m³/ngày đêm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Linh Cận Sơn, xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

1.4. Mã số thuế: 3100482426.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác nước mặt, xử lý và cung cấp nước sạch cho mục đích sinh hoạt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Cơ sở có tiêu chí môi trường như dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phạm vi, quy mô: Cung cấp nước sạch cho nhân dân 10 xã vùng Nam Sông Gianh của thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/ngày_đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo.

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án ODA huyện Quảng Trạch.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án ODA huyện Quảng Trạch có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.



2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thị xã Ba Đồn và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND thị xã Ba Đồn;
- UBND xã Quảng Sơn;
- BQLDA ODA huyện Quảng Trạch;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2020/GP-UBND
ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- + Nguồn số 02: Nước thải sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ chứa nước nằm về phía Tây Bắc Trạm cấp nước, thuộc thôn Linh Cận Sơn, xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Tọa độ vị trí tiếp nhận nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 3^0) cụ thể như sau: $X(m) = 1960.695$; $Y(m) = 534.579$.

2.2. Vị trí xả nước thải: Thôn Linh Cận Sơn, xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 3^0) cụ thể như sau: $X(m) = 1960.679$; $Y(m) = 534.644$.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; tương ứng khoảng $0,83 \text{ m}^3/\text{lần xả thải}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép xả tự chảy theo đường ống dẫn kín ra điểm tiếp nhận. Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 12 lần/ngày (mỗi lần xả thải 01 phút) trong quá trình hoạt động.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B với giá trị C_{max} ; $K_q = 0,6$; $K_f = 1,2$), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (C_{max})
1	Màu	Pt/Co	150
2	pH	-	5,5 - 9,0
3	COD	mg/l	108
4	BOD ₅ (20 ^{0C})	mg/l	36
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	72

6	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/l	7,2
7	Coliform	VK/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý qua nhà vệ sinh tự hoại 3 ngăn, sau đó dẫn về bể xử lý nước thải.

- Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ quá trình súc rửa lớp vật liệu lọc được thu gom dẫn về bể điều hòa để lắng cặn và tái sử dụng, phần còn lại được dẫn về bể xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công nghệ xử lý nước thải: Lắng lọc cơ học.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải $\rightarrow$ Bể điều hòa (lắng cơ học; tái sử dụng nước) $\rightarrow$ Bể xử lý nước thải (lắng cơ học) $\rightarrow$ Thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: $75 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và duy tu định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 8/2023 đến tháng 10/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải, công suất $75 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải; tọa độ theo hệ VN 2000, múi chiều 3^0 , kinh tuyến 106^0 : $X(m) = 1960.679$; $Y(m) = 534.644$.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Lấy mẫu 3 lần trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Trạm cấp nước bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại



Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Trạm cấp nước; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình, hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường .

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động của Trạm cấp nước đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, Ban Quản lý dự án ODA huyện Quảng Trạch phải tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Ba Đồn và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Trạm cấp nước đều được thu gom, xử lý, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn khu vực cơ sở, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng các quy định về xả thải; phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GP-UBND

ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại trạm bơm nước thô (tại sông Rào Trỏ)..
- Nguồn số 02: Tại trạm bơm nước sạch (bên trong Trạm cấp nước Quảng Trạch).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 3^0 , cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: Tại trạm bơm nước thô X (m) = 1960.256; Y(m) = 534.911.
- Nguồn số 02: Tại trạm bơm nước sạch X (m) = 1960.582; Y(m) = 534.646.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

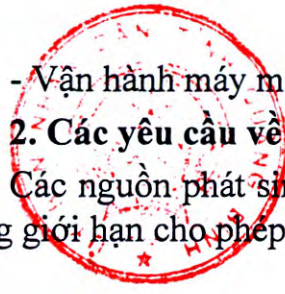
3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, máy phát điện dự phòng, độ mòn chi tiết; đồng thời tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



- Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1,0
2	Giẻ lau dính dầu, mỡ thải	18 02 01	5,0
	Tổng cộng		6,0

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bùn thải từ bể xử lý nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 30 kg/năm và bao bì đựng hóa chất thải (không chứa thành phần nguy hại) khoảng 50 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 0,1 kg/ngày (36,5 kg/năm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Trang bị 01 thùng có nắp đậy, dung tích 100 lít để thu gom lượng chất thải nguy hại phát sinh và hợp đồng với đơn vị có năng lực xử lý chất thải nguy hại để thu gom và xử lý chất thải đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom vào bể chứa bùn dung tích 71,16 m³ và sử dụng bón cho cây xanh.

- Bao bì đựng hóa chất thải và hợp đồng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 02 thùng có nắp đậy, dung tích 200 lít tại khu văn phòng để thu gom lượng rác thải phát sinh và hợp đồng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo theo quy định tại Nghị

định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện việc chuyển giao chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có năng lực vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

3. Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải phải thu gom và xử lý đảm bảo đúng quy định.

4. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND

ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

1. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.

2. Chất thải phải được phân loại, thu gom và hợp đồng chuyển giao xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường và theo đúng quy định.

3. Thường xuyên kiểm tra và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng hạn chế phát sinh khí thải; trong quá trình sử dụng máy phát điện dự phòng phải đảm bảo thông thoáng khí, tránh ô nhiễm khí thải cục bộ ảnh hưởng đến nhân viên vận hành.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ hoàn công công trình bảo vệ môi trường do Chủ cơ sở cung cấp; Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này).

